

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10741/UBND-THNC
V/v sử dụng thẻ Căn cước công
dân gắn chip, sổ định danh cá nhân
trong giải quyết thủ tục hành chính
thay thế Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú

Đồng Nai, ngày 11 tháng 10 năm 2022

Kính gửi:

- Các cơ quan ngành dọc trên địa bàn tỉnh;
- Các sở, ban, ngành và đơn vị trực thuộc tỉnh;
- Bảo hiểm Xã hội tỉnh;
- Báo Đồng Nai; Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Luật Cư trú năm 2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 trong đó quy định sổ hộ khẩu, sổ tạm trú sẽ hết giá trị sử dụng từ ngày 01/01/2023¹. Để việc triển khai thực hiện các quy định của Luật Cư trú được bảo đảm thống nhất, đồng bộ, hiệu quả nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân và đơn giản hóa thủ tục hành chính; căn cứ Công văn số 5672/C06-TTDLDC ngày 22/8/2022 của Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an về việc phối hợp triển khai thi hành Luật Cư trú năm 2020; Công văn số 6008/VPCP-KSTT ngày 13/9/2022 của Văn phòng Chính phủ về kết quả rà soát triển khai định danh và xác thực điện tử, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố khẩn trương thực hiện một số nội dung sau:

1. Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và UBND các huyện, thành phố:
 - Từ ngày 01/01/2023, căn cứ vào thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử, Sổ định danh cá nhân, Giấy xác nhận thông tin về cư trú hoặc sử dụng các phương thức ứng dụng dữ liệu dân cư để xác định nơi cư trú của công dân trong quá trình giải quyết các thủ tục hành chính, giao dịch dân sự thay cho việc yêu cầu xuất trình Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú (*Phương thức tra cứu, sử dụng thông tin công dân có hướng dẫn chi tiết phụ lục kèm theo*).
 - Tập trung, kiểm tra, rà soát các thủ tục hành chính, giao dịch dân sự liên quan đến việc xuất trình Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú hoặc các giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú để điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, bảo đảm đồng bộ, thống nhất với quy định của Luật Cư trú năm 2020; không yêu cầu công dân xuất trình Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú.

¹ Điều 38 Luật Cư trú năm 2020 quy định: “Khi công dân thực hiện các thủ tục đăng ký, khai báo về cư trú dẫn đến thay đổi thông tin trong Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú thì cơ quan đăng ký cư trú có trách nhiệm thu hồi Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú đã cấp, thực hiện điều chỉnh, cập nhật thông tin trong Cơ sở dữ liệu về cư trú theo quy định của Luật này và không cấp mới, cấp lại Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú; Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú có giá trị đến hết ngày 31/12/2022”.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc tái cấu trúc quy trình, tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022, Quyết định số 422/QĐTTg ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời tổ chức, triển khai các hình thức thông tin, tuyên truyền đến người dân, doanh nghiệp biết, thực hiện các dịch vụ công trực tuyến của tỉnh đạt hiệu quả.

- Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ngành, đơn vị, UBND huyện, thành phố tổng hợp gửi về Công an tỉnh để được hướng dẫn xử lý theo thẩm quyền.

2. Công an tỉnh hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc các sở, ngành, đơn vị và UBND huyện, thành phố trong quá trình triển khai thực hiện Điều 38, Luật Cư trú trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các cơ quan, đơn vị và UBND các huyện, thành phố kịp thời xử lý các khó khăn, vướng mắc theo thẩm quyền, trường hợp vượt thẩm quyền báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

3. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh kiểm tra, rà soát để đảm bảo cơ sở vật chất hạ tầng và bảo đảm an ninh, an toàn thông tin hệ thống để triển khai kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu chuyên ngành với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư nhằm sử dụng thông tin cư trú của công dân thay cho yêu cầu phải xuất trình giấy tờ chứng minh về cư trú trong giải quyết các thủ tục hành chính, giao dịch dân sự và phục vụ công tác chuyên môn.

4. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, địa phương tiếp tục rà soát các văn bản pháp luật liên quan đến triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, tham mưu sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới đảm bảo phù hợp với các văn bản pháp luật do Trung ương ban hành trong lĩnh vực triển khai định danh và xác thực điện tử.

5. Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Hành chính công tỉnh) chủ trì, theo dõi tham mưu UBND tỉnh công bố sửa đổi bộ thủ tục hành chính; tham mưu, báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý đối với cá nhân, đơn vị trong tiếp nhận, xử lý thủ tục hành chính có yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp bổ sung các giấy tờ ngoài quy định của thủ tục hành chính hoặc bổ sung các loại giấy tờ mà có thể sử dụng các phương thức ứng dụng dữ liệu dân cư để xác định nơi cư trú của công dân trong quá trình giải quyết các thủ tục hành chính.

Yêu cầu các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và UBND các huyện, thành phố khẩn trương quán triệt, triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên (thực hiện);
- Bộ Công an;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Ban Chỉ đạo Đề án 06 tỉnh;
- Chánh, Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, HCC, THNC.



Cao Tiến Dũng



PHỤC LỤC HƯỚNG DẪN

(ban hành kèm theo Công văn số 10741/UBND-THNC ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Sử dụng thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử

Tại khoản 1 Điều 3, Điều 18 và Điều 20 Luật Căn cước công dân năm 2014 quy định: Căn cước công dân là thông tin cơ bản về lai lịch, nhân dạng của công dân; khi công dân xuất trình thẻ Căn cước công dân theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thì cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền không được yêu cầu công dân xuất trình thêm giấy tờ khác chứng nhận các thông tin về căn cước công dân; các thông tin trên thẻ Căn cước công dân gồm: Ảnh chân dung, số thẻ Căn cước công dân (số định danh cá nhân), họ, chữ đệm và tên khai sinh, ngày tháng năm sinh, giới tính, quốc tịch, quê quán, nơi thường trú, ngày tháng năm hết hạn, đặc điểm nhân dạng, vân tay, ngày tháng năm cấp thẻ, họ, chữ đệm và tên, chức danh, chữ ký của người có thẩm quyền cấp thẻ.

2. Sử dụng thiết bị đọc mã QRCode trên thẻ CCCD có gắn chip

Cơ quan, tổ chức, công dân sử dụng thiết bị đọc mã QRCode theo tiêu chuẩn do Bộ Thông tin và truyền thông ban hành, tích hợp với máy tính hoặc thiết bị di động để đọc thông tin công dân từ mã QRCode trên thẻ CCCD. Các thông tin gồm: Số CCCD; số CMND 9 số; Họ và tên; ngày tháng năm sinh; giới tính; nơi thường trú, ngày cấp CCCD.

3. Sử dụng thiết bị đọc chip trên thẻ CCCD

Cơ quan, tổ chức, công dân sử dụng thiết bị đọc thông tin trong chip trên thẻ CCCD phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, giao dịch dân sự. Thiết bị này do Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư - Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội nghiên cứu kết hợp sản xuất. Hiện nay, Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội đã cấp cho Công an cấp huyện sử dụng.

Các thông tin đọc gồm: Họ, chữ đệm và tên khai sinh; ngày tháng năm sinh; giới tính; quê quán; dân tộc; tôn giáo; quốc tịch; nơi thường trú; họ, chữ đệm và tên của cha, mẹ, vợ, hoặc chồng; số chứng minh nhân dân đã được cấp; ngày cấp; ngày hết hạn của thẻ CCCD; đặc điểm nhân dạng; ảnh chân dung; vân tay; số thẻ CCCD (số định danh cá nhân).

4. Công dân tra cứu, khai thác thông tin cá nhân trực tuyến trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để sử dụng khi thực hiện thủ tục hành chính, giao dịch dân sự:

Bước 1: Công dân truy cập trang web dân cư quốc gia theo địa chỉ: <http://dichvucong.dancuquocgia.gov.vn>

Bước 2: Đăng nhập tài khoản/ mật khẩu truy cập (sử dụng tài khoản Cổng dịch vụ công quốc gia); xác thực nhập mã OTP được hệ thống gửi về điện thoại.

Bước 3: Tại trang chủ, truy cập vào chức năng “Thông tin công dân” và nhập các thông tin theo yêu cầu: Họ tên, số định danh cá nhân, ngày sinh, số điện thoại, mã xác nhận. Sau đó, nhấn Tìm kiếm.

Bước 4: Thông tin cơ bản của công dân sẽ hiển thị trên màn hình gồm: Họ, chữ đệm và tên khai sinh; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính; Nơi đăng ký khai sinh; Quê quán; Nơi thường trú; Số định danh cá nhân; Số chứng minh nhân dân.

5. Sử dụng ứng dụng VNeID hiển thị các thông tin trên các thiết bị điện tử để phục vụ giải quyết các thủ tục hành chính, giao dịch dân sự (theo Quyết định số 34/QĐ-TTg ngày 08/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ), bằng cách:

Bước 1: Công dân đến cơ quan Công an đăng ký tài khoản mức 2; thực hiện cài đặt ứng dụng VNeID; thực hiện kích hoạt tài khoản trên thiết bị di động khi nhận được tin nhắn thông báo đăng ký tài khoản thành công theo các bước trong ứng dụng VNeID.

Bước 2: Sau khi được kích hoạt, việc sử dụng tài khoản định danh điện tử như sau:

- Công dân thực hiện đăng nhập một lần trên Cổng dịch vụ công quốc gia (liên thông với cổng dịch vụ công của các Bộ, ngành, địa phương) với tài khoản là số định danh cá nhân và mật khẩu để thực hiện các dịch vụ công trực tuyến. Tùy từng dịch vụ công trực tuyến, thông tin của công dân sẽ được điền vào biểu mẫu điện tử (Form), người dân không phải điền và không sửa được thông tin.

Các thông tin (tùy theo dịch vụ) gồm: Họ, chữ đệm và tên khai sinh; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính; Quê quán; Dân tộc; Tôn giáo; Quốc tịch; Nơi thường trú; Họ, chữ đệm và tên của cha, mẹ, vợ hoặc chồng; Số chứng minh nhân dân đã được cấp; Ngày cấp; Ngày hết hạn (của thẻ CCCD); Đặc điểm nhận dạng; ảnh chân dung; Trích chọn vân tay; Số thẻ Căn cước công dân (số định danh cá nhân).

- Sử dụng các thông tin hiển thị trên VNeID:

Công dân sử dụng tài khoản, mật khẩu đăng nhập ứng dụng VNeID trên thiết bị di động. Các thông tin căn cước công dân, thông tin dân cư được tích hợp hiển thị trên ứng dụng VNeID để người dân, cơ quan, tổ chức sử dụng để phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và các giao dịch của người dân.

Thông tin hiển thị trên VNeID gồm: Số CCCD; Họ và tên; Ngày sinh; Giới tính; Quốc tịch; Quê quán; Nơi thường trú; CCCD có giá trị đến; Đặc điểm nhận dạng; Ngày cấp, Số điện thoại.

- Các doanh nghiệp, tổ chức kết nối trực tiếp với hệ thống định danh xác thực điện tử của Bộ Công an để sử dụng xác thực điện tử tài khoản định danh điện tử của người dân.

6. Sử dụng giấy xác nhận thông tin về cư trú (ban hành kèm theo Thông tư số 56/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an)

Công dân trực tiếp đến cơ quan đăng ký cư trú trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú của công dân để đề nghị cấp giấy xác nhận thông tin về cư trú hoặc gửi yêu cầu xác nhận thông tin về cư trú qua dịch vụ công trực tuyến khi cần thiết (Công dịch vụ công quản lý cư trú). Cơ quan đăng ký cư trú sẽ cấp giấy xác nhận thông tin về cư trú cho công dân dưới hình thức văn bản hoặc văn bản điện tử theo yêu cầu của công dân. Giấy xác nhận thông tin về cư trú có giá trị 30 ngày kể từ ngày cấp và có giá trị 6 tháng kể từ ngày cấp đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Cư trú xác nhận về việc khai báo cư trú.

Thời gian qua, Công an các cấp đã triển khai thực hiện hiệu quả, tạo điều kiện tối đa cho công dân khi giải quyết thủ tục cấp giấy xác nhận thông tin về cư trú để thực hiện thủ tục hành chính khi có yêu cầu. Mẫu giấy Xác nhận thông tin về cư trú (mẫu CT07) ban hành kèm Thông tư số 56/2021/TT-BCA) đã có đầy đủ thông tin cá nhân, thông tin về nơi cư trú của công dân, thông tin về chủ hộ, mối quan hệ của các thành viên trong hộ gia đình, cụ thể: Số định danh cá nhân; Họ, chữ đệm và tên khai sinh; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính; Quê quán; Dân tộc; Tôn giáo; Quốc tịch; Nơi thường trú; Nơi tạm trú; Nơi ở hiện tại; Họ tên chủ hộ, số định danh chủ hộ và Quan hệ với chủ hộ; Họ, chữ đệm và tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, số định danh cá nhân của các thành viên hộ gia đình và quan hệ với chủ hộ.

7. Sử dụng Thông báo số định danh cá nhân và thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (theo quy định tại Thông tư số 59/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an)

Ngành Công an đã thực hiện cấp Thông báo số định danh và thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho 100% người dân chưa được cấp CCCD trên toàn quốc để người dân sử dụng giải quyết các thủ tục hành chính, các giao dịch dân sự cần chứng minh nơi cư trú của công dân.

Các thông tin trên Thông báo số định danh cá nhân: Họ, chữ đệm và tên khai sinh; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính; Nơi đăng ký khai sinh; Quê quán; Dân tộc; Tôn giáo; Quốc tịch; Tình trạng hôn nhân; Nơi thường trú; Nơi ở hiện tại; Quan hệ với chủ hộ; Nhóm máu; Họ, chữ đệm và tên, của cha, của mẹ; Số định danh cá nhân.
